

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/05/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK8+CTK3+CLO	7:25	4+16+2	0+0+0		0+12+1	0+0+0	
2		PBDA+BK5+P1	7:25	18+0+0	0+0+0		17+1+0	0+0+0	chuyen 4 bk5-p1
3		P8+TD1+RC3	9:25	9+0+11	0+0+0		0+6+12	0+0+0	
4		PBDA+SAVR	9:25	9+8	0+0		12+5	0+0	chuyen 1 PBDA-savr
5		TC1+TD2	11:25	9+11	0+0		0+15	0+0	
6		SAVR+PVD8	11:25	14+2+1	0+0		12+0+0	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK8 - CTK3 - CLO	CREW: KHOÀN - MTHAO - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/2075	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐỨC HIỆU	BK8	59-60	2	17			73	CODIEN	Vietnamese
2	HOÀNG CAO MINH	BK8	57-58	2	11			67	CODIEN	Vietnamese
3	ĐOÀN MINH ĐẠT	BK8	61-62	2	18			78	DVL	Vietnamese
4	LÊ DƯƠNG LONG	BK8	63	1	8			82	DVL	Vietnamese
5	TRẦN ANH TUẤN	CTK3	25	1	15	3	50	68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC KIỆM	CTK3	07-08	2	14			93	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN THUẬN	CTK3	09-10	2	15			68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN GIÁP TUẤT	CTK3	15	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
9	LIU QUANG ĐẠT	CTK3	21	1	13			76	CODIEN	Vietnamese
10	PHẠM QUỐC KHANH	CTK3	19	1	17	2	30	89	CODIEN	Vietnamese
11	HỒ CHIẾN THẮNG	CTK3	18	1	10			58	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	CTK3	13	1	10	1	12	53	CODIEN	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN GIANG	CTK3	20	1	9			75	CODIEN	Vietnamese
14	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	CTK3	16-17	2	15			66	CODIEN	Vietnamese
15	HOÀNG PHI LONG	CTK3	12	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN MINH	CTK3	24	1	7			75	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐĂNG TUNG	CTK3	06	1	4			65	PSV	Vietnamese
18	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	CTK3	11	1	5			86	PSV	Vietnamese
19	ĐẶNG THANH HOÀNG	CTK3	05	1	5			73	SBAY	Vietnamese
20	PHẠM CÔNG DUY	CLO	90	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
21	LƯƠNG NGỌC KHƯƠNG	CLO	88-89	2	7			76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	4	300	7	54	0	0	0		
2	CTK3	15	1.091	18	158	6	92	12	NB VỀ ĐỊNH HỒNG THẮNG, PHÂN TÁN LỘC	
3	CLO	2	144	3	11	0	0	3		
TOTAL		21	1.535	28	223	6	92	15		
WEIGHT KG			1.535		223		92			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PBDA - BK5 - P1	CREW: NAM - XTRƯỜNG - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/2078	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN DANG NGUYEN	PBDA	79	1	11			72	HALLUBUR	Vietnamese
2	MAMAEV M.R.	PBDA	75-76	2	12			115	KHOAN	Russian
3	CHUDNOVSKII ALEKSANDR	PBDA	89-90	2	14			95	AMHTP	Russian
4	BELENKO KONSTANTIN	PBDA	92-93	2	14			77	AMHTP	Russian
5	SINIAGOVSKII OLEG	PBDA	91	1	9			98	AMHTP	Russian
6	PHAM TRAN ANH TUAN	PBDA	77	1	8			80	MINH MINH	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUNG	PBDA	78	1	8			81	MINH MINH	Vietnamese
8	KIZIN SERGEI	PBDA	69	1	11			96	AMHTP	Russian
9	SOROKIN VASILII	PBDA	85	1	8			95	AMHTP	Russian
10	TUZOV DENIS	PBDA	94	1	6			86	AMHTP	Russian
11	GARIANIN SERGEI	PBDA	70-71	2	13			94	AMHTP	Russian
12	KHOKHLOV VLADISLAV	PBDA	80-81	2	20			89	AMHTP	Russian
13	GATIN RADIK	PBDA	66,73	2	12			94	AMHTP	Russian
14	KOZHEVNIKOV ANDREI	PBDA	82-83	2	10			111	AMHTP	Russian
15	RIAUIZOV NIKOLAI	PBDA	74	1	12			97	AMHTP	Russian
16	KADYROV AINUR	PBDA	84	1	10			83	AMHTP	Russian
17	SERGEEV SERGEI	PBDA	86	1	7			79	AMHTP	Russian
18	GOROKHOV ROMAN	PBDA	57,59	2	15			101	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	18	1.643	26	200	0	0	17		
2	BK5	0	0	0	0	0	0	1	CHUYEN 4 PAX BK5-P1	
3	P1	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		18	1.643	26	200	0	0	18		
WEIGHT KG			1.643		200		0			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

TRAN HONG NAM
HA XUAN TRUONG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: P8 - TD1 - RC3	CREW: KHOÀN - MTHAO - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/2076	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM NGỌC ANH	P8	45-46	2	11			72	KH-THAC	Vietnamese
2	RAKHIMOV DINAR M.	P8	48-49	2	12			97	KIM THIET	Russian
3	LE VĂN THÔNG	P8	56	1	11	2	35	71	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH HIẾN	P8	52	1	10	1	11	78	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẶNG THĂNG LONG	P8	50-51	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGÔ TRUNG KIẾN	P8	57	1	10	1	11	72	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN THANH HÙNG	P8	39-41	3	18			77	XAYLAP	Vietnamese
8	CHU TIẾN DŨNG	P8	37-38	2	13			92	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC THINH	P8	54-55	2	11			54	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN QUYÊN	RC3	73	1	11			69	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI VĂN THỊNH	RC3	71	1	12			72	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN NAM	RC3	72	1	12			58	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VINH	RC3	74-75	2	18			69	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LUYỆN	RC3	64-65	2	17			75	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ NGỌC HIẾU	RC3	66-67	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC HOÀ	RC3	76	1	10	2	40	69	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HÙNG	RC3	68	1	17			74	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THAI	RC3	77-78	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG QUYNH	RC3	69-70	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC LONG	RC3	79	1	15			59	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	9	683	16	115	4	57	0		
2	TD1	0	0	0	0	0	0	6		
3	RC3	11	753	16	170	2	40	12		
TOTAL		20	1.436	32	285	6	97	18		
WEIGHT KG			1.436		285		97			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: PBDA - SAVR	CREW: NAM - XTRƯỜNG - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/2079	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TOLSTOPYATOV IVAN	PBDA	67-68	2	12	1	14	77	AMHFP	Russian
2	ZHITNIKOV VIKTOR	PBDA	64	1	5			86	AMHFP	Russian
3	EGOROV MAKSIM	PBDA	39	1	8			72	AMHFP	Russian
4	GARIPOV ILIAS	PBDA	35	1	9			111	AMHFP	Russian
5	KRUGLOV OLEG	PBDA	59	1	6	1	17	65	AMHFP	Russian
6	KOSTENKO EVGENII	PBDA	36	1	10			87	AMHFP	Russian
7	TE ILIA	PBDA	63,65	2	20			81	AMHFP	Russian
8	RIABYSHENKOV DENIS	PBDA	61	1	20	1	16	85	AMHFP	Russian
9	NGUYEN TIEN THUAT	PBDA	57-58	2	14			77	PSV	Vietnamese
10	TEA CHING YAO	SAVR	33-34	2	18	1	10	70	PVD BAKEI	Malaysian
11	NGUYEN VAN THANG	SAVR	41-42	2	20			76	PVD BAKEI	Vietnamese
12	ĐO VĂN DOANH	SAVR	37-38	2	13			77	PVD LOGGI	Vietnamese
13	HỒ VĂN RƠN	SAVR						77	KHOAN	Vietnamese
14	DINESH DAVID PILLAI	SAVR	41	1	16			95	BAKER HUGO	Indian
15	VU THANH QUANG	SAVR	46-47	2	16	1	18	62	BAKER HUGO	Vietnamese
16	VU XUAN CHINH	SAVR	40	1	9			61	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN THANH QUANG	SAVR	44	1	10	1	14	74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	9	741	12	104	3	47	12		CHUYEN 1 PAX.PBDA-SAVR
2	SAVR	8	592	11	102	3	42	7		
TOTAL		17	1.333	23	206	6	89	19		
WEIGHT KG			1.333		206		89			

GRAND TOAL: 1.628 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
HÀ XUÂN TRƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO:TTC1 - TD2	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/2077	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	TTC1	06-07	2	19			82	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ QUANG ĐẠO	TTC1	04-05	2	18			78	KH-THAC	Vietnamese
3	TẠ HỒNG QUÂN	TTC1	03	1	14			69	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐOÀN HÙNG	TTC1	08	1	6	2	50	70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH QUẾ	TTC1	97	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	TTC1	99	1	12			75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG HỒNG HAI	TTC1	98	1	11			86	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ANH KHOA	TTC1	01-02	2	19	1	15	87	DVL	Vietnamese
9	HOANG DUY LINH	TD2	76	1	8			77	SEAMAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH NHẬT	TD2	77	1	7	11	166	62	SEAMAP	Vietnamese
11	PESENKO VADIM	TD2	69	1	8			75	VSP	Russian
12	SEREBROV IGOR	TD2	72	1	10			77	VTB	Russian
13	KARAVKA IVAN	TD2	70	1	16	1	2	110	KHOAN	Russian
14	SHMAKOV ALEXANDER	TD2	71	1	8			78	KHOAN	Russian
15	GIMRANOV M. G.	TD2	75	1	10			80	KHOAN	Russian
16	VŨ VĂN THUY	TD2	74	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
17	NGÔ QUANG HUNG	TD2	78-79	2	17			77	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ TRƯỜNG LÂM	TD2	73	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
19	HỒ VĂN ANH	TD2						75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	WT				PCS
1	TTC1	8	629	11	107	3	65	0	
2	TD2	11	858	11	98	12	168	19	
TOTAL		19	1.487	22	205	15	233	19	
WEIGHT KG			1.487		205		233		

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC

Tháo 1 ghế đôi (2 chỗ) đi chỗ hàng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: XANH-3	TO:SAVR- PVD8 - TTC1	CREW: DU'ONG - SON - TOAN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/2080	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	KRYLOV EVGENII	SAVR	69-70	2	13			79	AMHGP	Russian
2	DOROSHENKO ARTEM	SAVR	64-65	2	16			78	AMHGP	Russian
3	KIMAKOVSKII STANISLAV	SAVR	60	1	17			98	AMHGP	Russian
4	GORCHAKOV SERGEI	SAVR	50	1	13			97	AMHGP	Russian
5	DOMKIN EVGENII	SAVR	57	1	8			93	AMHGP	Russian
6	STUKALOV DMITRY	SAVR	53	1	12			75	AMHGP	Russian
7	PROKOFEV ARTEMII	SAVR	67-68	2	15			84	AMHGP	Russian
8	REBROV ILIA	SAVR	51-52	2	16			86	AMHGP	Russian
9	BOKEMBAEV MALIK	SAVR	66	1	6			74	AMHGP	Russian
10	SHCHEGOL KONSTANTIN	SAVR	61	1	10			86	AMHGP	Russian
11	DERBASOV ANDREI	SAVR	62-63	2	12			76	AMHGP	Russian
12	NGUYEN VAN TRUNG	SAVR	56	1	6			56	AMHGP	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC SON	SAVR	54-55	2	8			63	AMHGP	Vietnamese
14	NGUYEN DINH HUNG	SAVR	58-59	2	18			63	AMHGP	Vietnamese
15	NGUYEN CONG PHUONG	PVD8	50	1	15			70	CODIEN	Vietnamese
16	LE TRONG DUNG	PVD8	49	1	15	2	26	63	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN VU HUNG	PVD8	53	1	9	4	46	78	CODIEN	Vietnamese
18	TRAN VAN TUYET	TTC1						75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	14	1.108	21	170	0	0	11		
2	PVD8	3	211	3	39	6	72	0		
3	TTC1	1	75	0	0	0	0	0		
TOTAL		18	1.394	24	209	6	72	11		
WEIGHT KG			1.394		209		72			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN